

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A**
Tỉnh Hậu Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2017

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Ngọc Điệp

2. Ông Hồ Thanh Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Phát Tấn - Kiểm sát Viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Thị Bích T

Địa chỉ: Ấp NP, xã N N A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – có mặt

- Bị đơn: Võ Văn L

Địa chỉ: Ấp NP, xã N N A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Võ Thị Bích T trình bày: Chị và anh Võ Văn L tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2015. Sau khi kết hôn, chị về sống bên chồng nhưng gia đình chồng không thương chị, chồng chị không tin tưởng, nghi ngờ chị có người đàn ông bên ngoài, thường xuyên có lời lẽ xúc phạm chị. Gần đây, vợ chồng về sống bên gia đình cha mẹ ruột của chị, anh L lại thường cự cãi với mẹ vợ, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh L không sửa đổi. Đến nay chị thấy không còn tình cảm với anh L nên xin được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung, cháu tên Võ Ngọc Tường V (nữ), sinh ngày 25/10/2015, hiện cháu V đang sống với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu tự thỏa thuận với anh L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Võ Văn L trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình dẫn đến hôn nhân. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn và cự cãi do tính tình không hợp nhau, nhưng anh đang cố gắng sửa đổi, gia đình bên chị T và gia đình bên anh đã động viên cho anh chị hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng chị T vẫn không đồng ý. Anh xác định vẫn còn thương vợ, vẫn lo làm ăn, vì vậy anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung, cháu tên Võ Ngọc Tường V (nữ), sinh ngày 25/10/2015, hiện cháu V đang sống với anh L. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn thì anh yêu cầu nuôi cháu V, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh L thống nhất tự thỏa thuận với chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh L cũng xác định không có.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh L, không đồng ý hàn gắn quan hệ vợ chồng, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Anh L không đồng ý ly hôn, nhưng nếu chị T không đồng ý hàn gắn quan hệ vợ chồng thì anh yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Nếu trường hợp anh không được nuôi cháu Tường V, anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi.

Kiểm sát Viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; các đương chấp hành tốt pháp luật kể từ khi giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án;

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị T đều khai thống nhất anh chị đã đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015. Như vậy hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, chị T xác định vợ chồng bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T;

Về con chung: Đề nghị cho cháu Tường V nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Tường V cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh L cấp dưỡng cho cháu Tường V mỗi tháng 2.000.000đồng.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh L. Giao cháu Tường V cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không có.

Về án phí Hôn nhân gia đình chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền: Chị Võ Thị Bích T và anh Võ Văn L là vợ chồng hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, xét đây là vụ án Tranh chấp xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Bích T và anh Võ Văn L tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh L không tin tưởng chị T, nghi ngờ chị có người đàn ông khác nên thường xuyên cự cãi, chị T đã khuyên giải nhưng anh L không sửa đổi nên chị T xin ly hôn. Tuy nhiên, anh L không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, cự cãi nhưng anh vẫn còn thương vợ, hứa sẽ sửa đổi, chăm lo làm ăn để lo cho gia đình.

Mặc dù Tòa án đã hòa giải, phân tích hậu quả của Việc ly hôn để chị T suy nghĩ, hàn gắn với anh L nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn với lý do chị không tin tưởng anh L sẽ thay đổi và thực tế chị không còn tình cảm với anh L. Vì vậy, xét thấy nếu tiếp tục chung sống thì đời sống vợ chồng của chị T và anh L cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh L khai thống nhất có 01 con chung, cháu tên Võ Ngọc Tường V (nữ), sinh ngày 25/10/2015, hiện đang sống cùng anh L. Cả chị T và anh L đều yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu V là nữ, lại còn quá nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình 2014 giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng mới phù hợp, bảo đảm quyền lợi và sự phát triển lành mạnh cho cháu V. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị T. Tại phiên tòa, anh Võ Văn L tự nguyện cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Tường V mỗi tháng 2.000.000đồng. Đây là sự tự nguyện của anh L, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và xác định không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Võ Văn L phải chịu 300.000đồng T án phí cấp dưỡng nuôi con chung; chị Võ Thị Bích T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a, khoản 5 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; điểm a, khoản 5 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Bích T được ly hôn với anh Võ Văn L.

2. Về con chung:

2.1. Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Ngọc Tường V (nữ) sinh ngày 25 tháng 10 năm 2015 cho chị Võ Thị Bích T tiếp tục nuôi dưỡng. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung cho anh L không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Võ Văn L cấp dưỡng cho cháu Võ Ngọc Tường V mỗi tháng 2.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Tường V tròn 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: các đương sự xác định không có.

5. Về án phí: Chị Võ Thị Bích T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số T tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu T số 0011075 ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; anh Võ Văn L phải chịu 300.000đồng T án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị Bích T và anh Võ Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
 - VKSND huyện Châu Thành A;
 - Đường sự;
 - UBND xã ĐPA,
- H Châu Thành, Hậu Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mạc Thị Chiên